TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 105/2021/HSST
Ngày 31 - 8 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Hồng Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Tiến Thịnh
2. Bà Hoàng Thị Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Khánh Linh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Đặng Hồ Lĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử công khai, sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 101/2021/HSST ngày 23 tháng 7 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2021/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2021, đối với bị cáo:

Nguyễn Ngọc Hồng Q, sinh ngày 28/12/2000 tại T; Nơi cư trú: Thôn T1, xã V, thành phố T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: lớp 7/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Xuân H và bà Nguyễn Thị N; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

* *Bị hại:* - Chị Tống Thị D, sinh năm 1973

- Anh Trần Đình N1, sinh năm 1966

Cùng trú tại: thôn L, xã V, thành phố T, tỉnh T. (Chị D, anh N vắng mặt).

* *Người Làm chứng:*

- Anh Trịnh Văn Bh, sinh năm 1991; Trú tại: thôn B, xã T, huyện V, tỉnh T. (Vắng mặt).

- Anh Trần Đình H, sinh năm 1998; Trú tại: thôn L, xã V, thành phố T, tỉnh T. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 27/4/2021, Nguyễn Ngọc Hồng Q đi bộ một mình từ nhà đến khu vực cầu S, xã V, thành phố T, tỉnh T mục đích xem ai có sơ hở thì trộm cắp tài sản, đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày Q đi bộ đến thôn L, xã V, thành phố T phát hiện thấy trong sân nhà chị Tống Thị D có để 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu vàng đen, BKS 17N1-1929, cổng khép không khóa. Quan sát thấy trong nhà không có người, Q nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe trên. Q đi lại dùng tay đẩy cổng đi vào sân rồi vào trong nhà của vợ chồng chị D thấy trên mặt tủ giày cạnh cửa ra vào có để 01 chìa khóa xe mô tô. Q lấy chìa khóa ra mở khóa điện xe mô tô ngồi lên xe đẩy ra cổng và nổ máy điều khiển xe đi. Khi Q điều khiển xe đến khu vực đối diện cổng Bệnh viện Nh dừng lại mở cốp xe kiểm tra thấy trong có 01 bộ quần áo mưa đã cũ nên Q cầm vứt xuống vệ đường và tiếp tục điều khiển xe đến khu vực thôn N, xã V, thành phố T thì bị lực lượng Công an xã V cùng quần chúng nhân dân phát hiện đuổi theo, Q để chiếc xe mô tô vừa trộm cắp được lại rồi chạy bộ thì bị lực lượng Công an xã V bắt giữ và quản lý chiếc xe mô tô trên. Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Ngọc Hồng Q đã khai nhận hành vi trộm cắp tài sản trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 20/KL-HDĐGTS ngày 10/5/2021 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Thái Bình kết luận: Chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu vàng đen, BKS 17N1-1929 có trị giá 3.900.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 104/CT-VKSTPTB ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố Nguyễn Ngọc Hồng Q về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Ngọc Hồng Q khai và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã nêu. Trong phần tranh luận, Kiểm sát viên luận tội bị cáo giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc Hồng Q phạm tội "Trộm cắp tài sản", áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 65 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Hồng Q mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết; Về xử lý vật chứng: Chấp nhận Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu vàng đen, BKS 17N1-1929 cho chủ sở hữu chị Tống Thị D và anh Trần Đình N. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã truy tố và không có ý kiến tranh luận gì với luận tội của Kiểm sát viên.

Khi được trình bày lời nói sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai tại cơ quan điều tra phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng được chứng minh bằng biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật và bản kết luận định giá tài sản và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, phù hợp về thời gian, địa điểm, loại tài sản bị cáo đã chiếm đoạt. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 27/4/2021 tại nhà vợ chồng chị Tống Thị D, anh Trần Đình N ở thôn L, xã V, thành phố T, Nguyễn Ngọc Hồng Q đã cố ý thực hiện hành vi trộm cắp 01 xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu vàng đen, BKS 17N1-1929, trị giá là 3.900.000 đồng, bị cáo là người trên 18 tuổi có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi nêu trên của Nguyễn Ngọc Hồng Q đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã truy tố là có căn cứ. Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định: *"1.Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000*

đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm..."

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý bất an, lo lắng cho quần chúng nhân dân trong việc trông giữ tài sản, làm mất trật tự trị an và an toàn xã hội. Vì vậy cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi, tính chất và mức độ phạm tội của bị cáo nhằm cải tạo giáo dục riêng đối với bị cáo và đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản chiếm đoạt có giá trị không lớn đã được thu hồi trả cho bị hại hạn chế hậu quả nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích và nhận định trên, căn cứ vào tính chất vụ án, đặc điểm về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt phù hợp, song thấy bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo cải tạo ngoài xã hội trước sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Tài sản bị chiếm đoạt đã được Cơ quan điều tra thu hồi trả lại chủ sở hữu là vợ chồng chị D, anh N chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu vàng đen, BKS 17N1-1929 và 01 bộ quần áo đi mưa của chị Tống Thị D để cốp xe mô tô bị cáo vứt đi, quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thu hồi được, bị hại không yêu cầu về bồi thường nên không đặt ra giải quyết. Đối với chiếc áo phông màu trắng có in chữ "Burberry" của bị cáo hiện đang quản lý tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tại phiên tòa bị cáo đề nghị trả lại sử dụng, xét thấy chiếc áo không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo là phù hợp.

[7] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Ngọc Hồng Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; khoản 1 Mục I Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Ngọc Hồng Q phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Hồng Q 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 31/8/2021.

Giao bị cáo Nguyễn Ngọc Hồng Q cho Ủy ban nhân dân xã V, thành phố T, tỉnh T nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Nguyễn Ngọc Hồng Q thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Nguyễn Ngọc Hồng Q cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc Nguyễn Ngọc Hồng Q phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự và vật chứng vụ án: Chấp nhận Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Bình đã trả lại cho vợ chồng chị Tống Thị D, anh Trần Đình N chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu vàng đen, BKS 17N1-1929. Tuyên trả lại cho bị cáo Nguyễn Ngọc Hồng Q 01 chiếc áo phông màu trắng, có in chữ "Burberry" hiện đang quản lý tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/8/2021.

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Ngọc Hồng Q phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Ngọc Hồng Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 31/8/2021. Bị hại (Chị Tống Thị D, anh Trần Đình N) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND TP. Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS TP.Thái Bình;
- CQCSĐT Công an TP. Thái Bình;
- CQTHAHS Công an TP. Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hồng Sơn